

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ HVT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ HVT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HVT TECHNOLOGY SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109175368

**3. Ngày thành lập:** 08/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 47 đường Trung Kính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6201(Chính) |
| 2.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6202        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6209        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; | 4659        |
| 8.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4741        |
| 9.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5820        |
| 10. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311        |
| 11. | Cổng thông tin<br>(không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6312        |
| 12. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6399        |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020        |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7320        |
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN HỒNG THÁI     | Số 57A, Khu 3, Thị trấn Ninh Giang, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 33,330    | 142704734                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 33,330    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN NGUYỄN VIỆT | CH A1107-Tháp A-TN Golden Palace-tổ 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 33,330    | 015093000062                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 33,330    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                              |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                            |                           |         |               |        |                  |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN MINH HÙNG | Đội 13 thôn Vạn Tuế, Xã Tân Việt, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 33,330 | 0300930029<br>34 |
|   |                  |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                            | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 33,330 |                  |
|   |                  |                                                                            |                           |         |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030093002934

Ngày cấp: 07/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 13 thôn Vạn Tuế, Xã Tân Việt, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 33A, ngách 25/43 phố Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội